

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 1 NĂM 2019

Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 1 tháng năm 2019

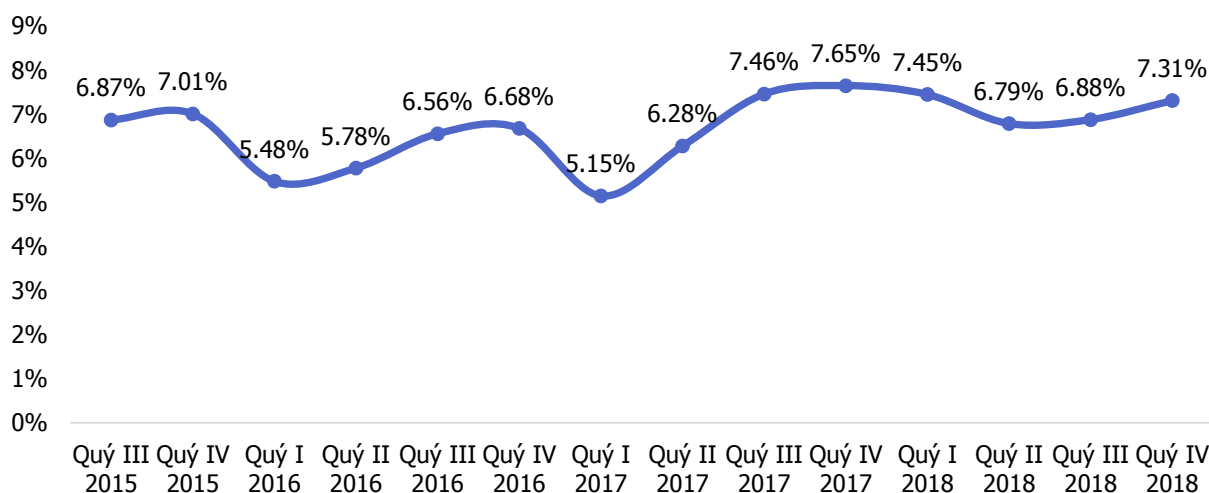
1. Tăng trưởng GDP.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV năm 2018 ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,65% và khu vực dịch vụ tăng 7,61%. Tăng trưởng quý IV/2018 thấp hơn tăng trưởng quý IV/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý IV các năm 2011-2016. Trên góc độ sử dụng GDP quý IV năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 9,06%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,69%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,50%.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Quy mô nền kinh tế năm 2018 theo giá hiện hành đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98% (Cơ cấu tương ứng của năm 2017 là: 15,34%; 33,40%; 41,26%; 10,0%).

% GDP hàng quý

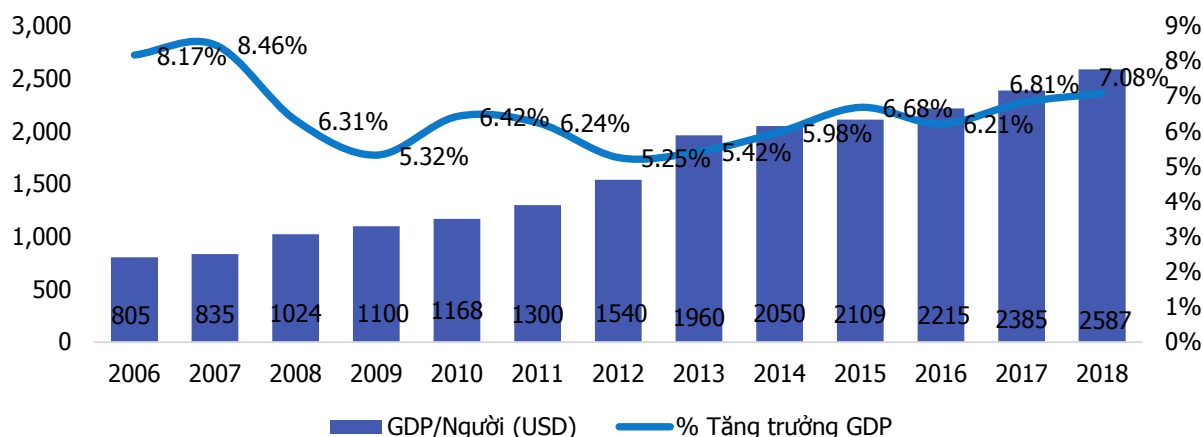


Trên góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,93% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,49%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2017 là: 14,67%; 32,50%; 42,65%; 10,18%).

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện: Năm 2018, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 43,50%, bình quân 3 năm 2016-2018 đạt 43,29%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 102 triệu đồng/lao động (tương đương 4.512 USD/lao động, tăng 346 USD so với năm 2017)[8]; năng suất lao động năm 2018 tăng 5,93% so với năm 2017, cao hơn nhiều mức tăng 5,29% của năm 2016 và xấp xỉ mức tăng 6,02% của năm 2017 do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2018 tăng cao.

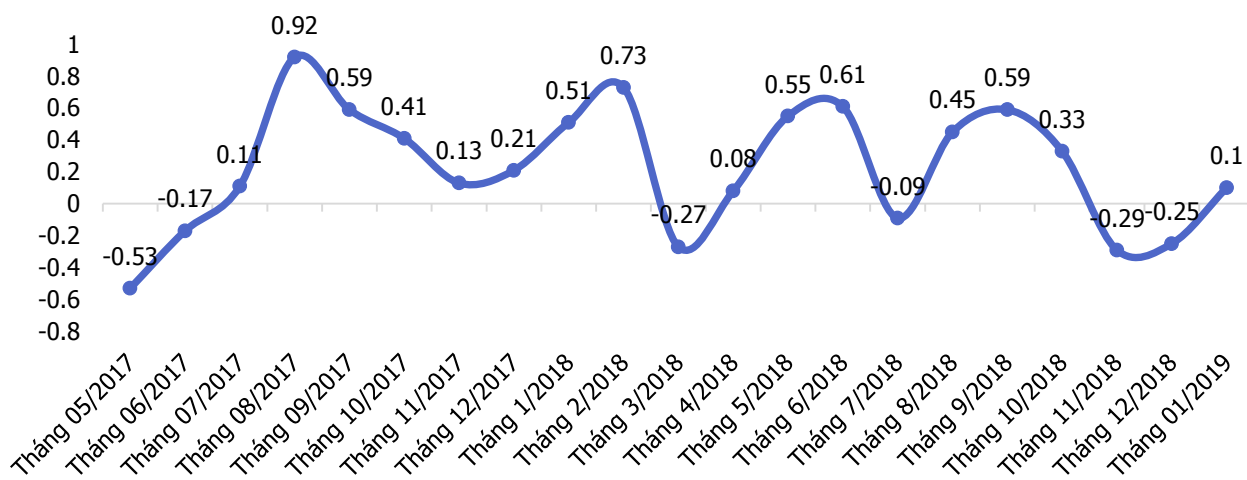
Tăng trưởng GDP và GDP/người



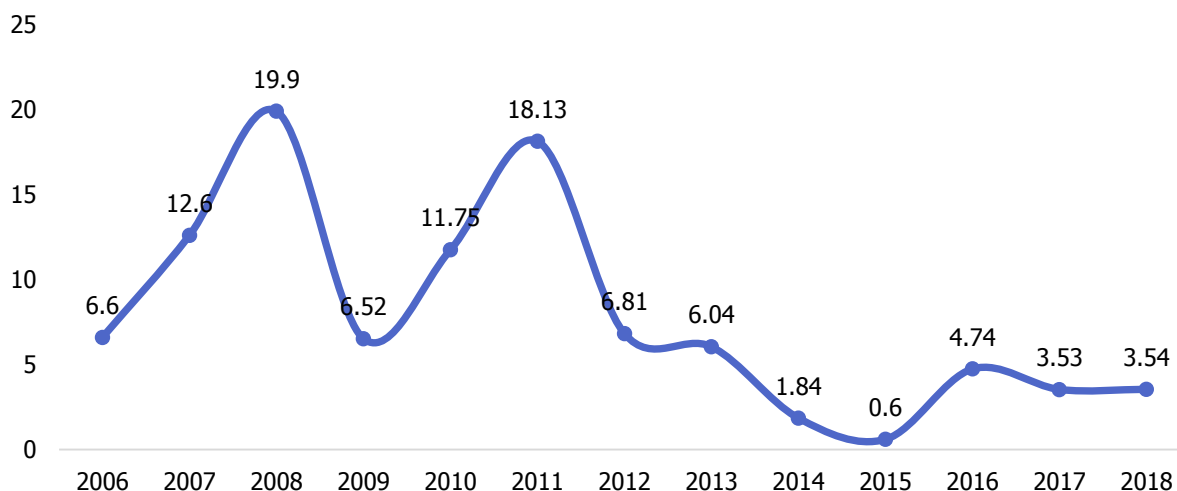
2. Lạm phát, CPI.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2019 tăng 0,10% so với tháng 12/2018, trong đó 3 nhóm: Đồ uống và thuốc lá tăng 0,69%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,66% (lương thực tăng 0,52%; thực phẩm tăng 0,85%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,39% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán.

Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(%)



% CPI theo Năm



Chỉ số giá vàng tháng 1/2019 tăng 2,25% so với tháng 12/2018 và tăng 0,13% so với cùng kỳ năm 2018. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 1/2019 giảm 0,4% so với tháng 12/2018 và tăng 2,32% so với cùng kỳ năm 2018.

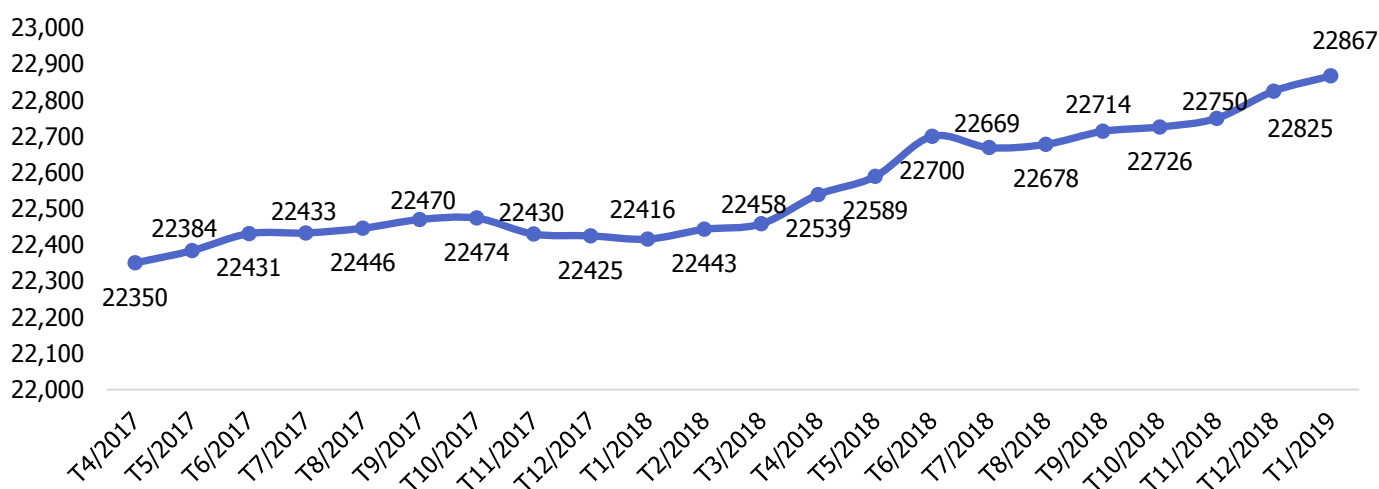
Lạm phát cơ bản tháng 1/2019 tăng 0,3% so với tháng 12/2018 và tăng 1,83% so với cùng kỳ năm trước.

3. Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá.

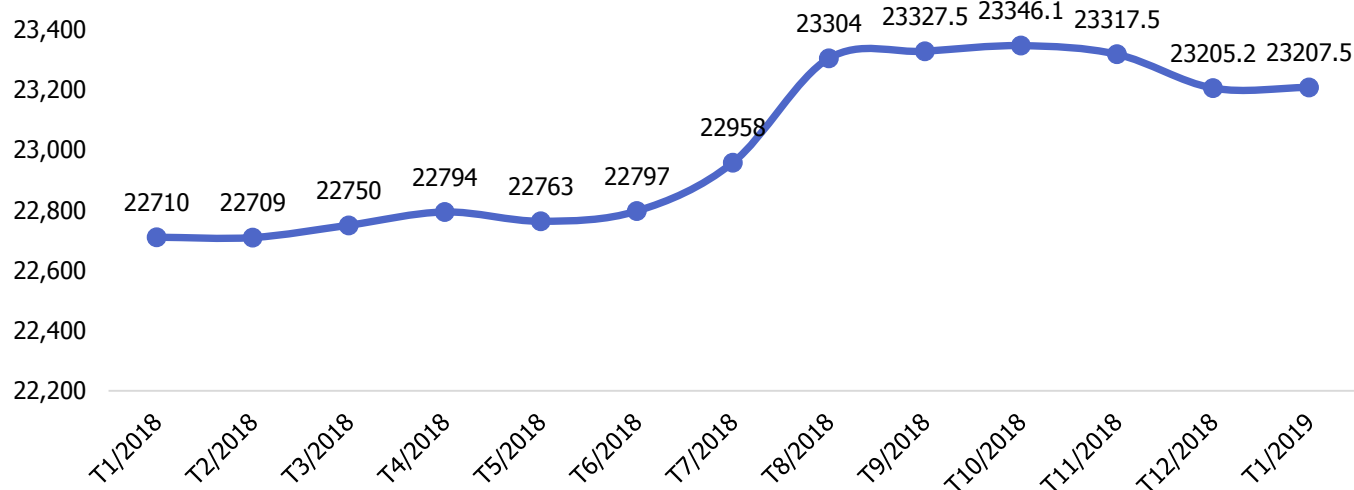
Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.867 đồng/USD trong ngày 01/02/2019, tăng nhẹ 0,18% so với tháng trước, cũng là mức tăng từ đầu năm 2019 đến nay.

Giá USD giao dịch tự do niêm yết ở mức 23.207,5 VND/USD, tăng nhẹ 2,3 đồng tương ứng mới mức tăng 0,01% so với tháng trước, cũng là mức tăng từ đầu năm đến nay.

Tỷ Giá Trung Tâm NHNN USD/VND

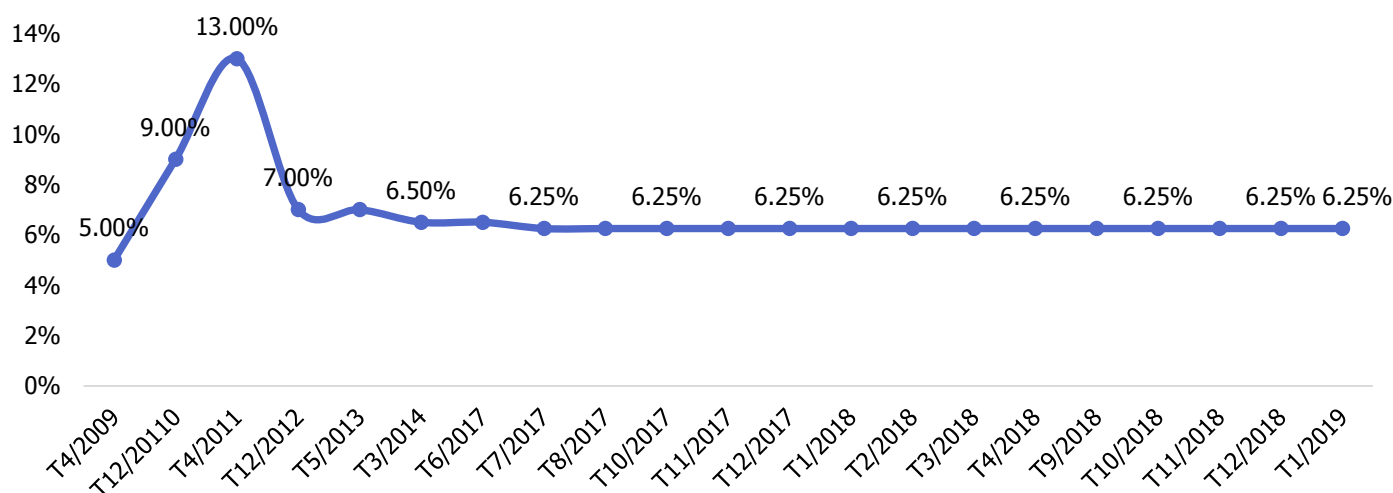


Tỷ giá giao dịch thực tế trong năm USD/VND



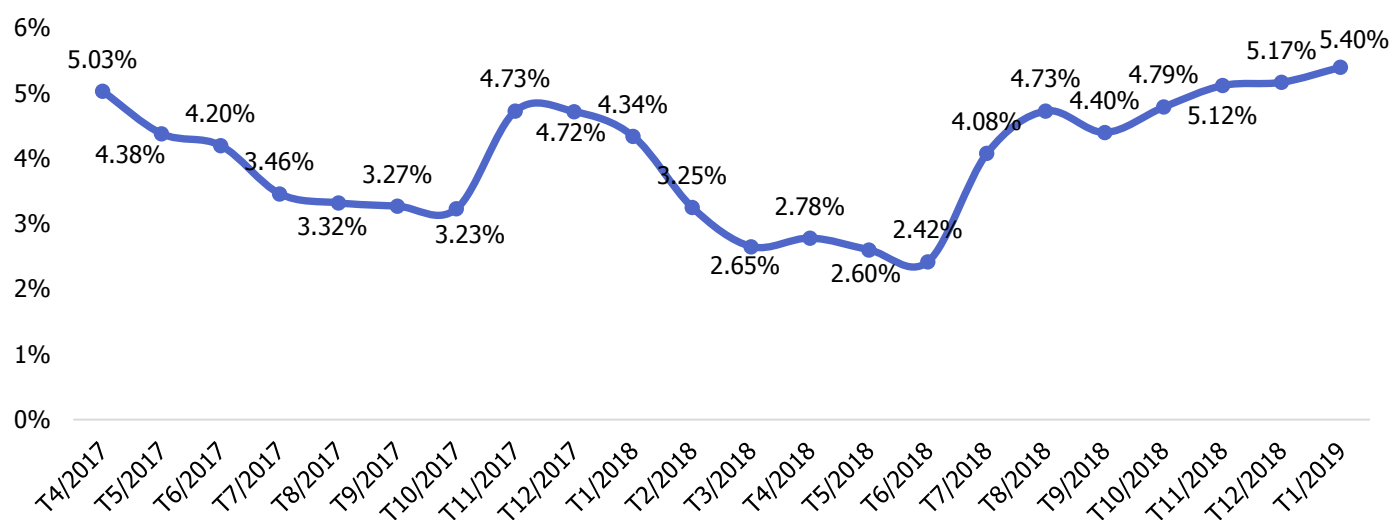
Tháng 1/2019, mặt bằng lãi suất cho vay và huy động tương đối ổn định. Lãi suất cho vay ngắn hạn tiếp tục dao động trong khoảng từ 6% - 9%/năm. Về phía lãi suất huy động, lãi suất bằng VND phổ biến ở mức 0,5% - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5% - 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5% - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,6% - 7,3%/năm.

Lãi Suất Tái Cấp Vốn



Lãi suất tái cấp vốn: Sau đợt giảm cặp lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn hồi tháng 7 năm ngoái, NHNN Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ thay đổi nào đối với lãi suất điều hành, tiếp tục giữ nguyên ở mức 6,25% trong 1 tháng năm 2019.

Lãi Suất Liên Ngân Hàng 3 tháng



Mặt bằng lãi suất cho vay và huy động trong tháng 1/2019 tương đối ổn định, nhưng diễn biến trên thị trường liên ngân hàng thì vẫn tiếp tục tăng. Lãi suất liên ngân hàng 3 tháng trong ngày cuối 31/01/2019 ở mức 5,4%, tăng 0,23% so với tháng trước.

4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.

Nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân và gieo trồng cây hoa màu trên cả nước. Tính đến thời điểm 15/1/2019, cả nước gieo cấy được 1.908,7 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 101,3% cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, chăn nuôi trâu, bò không thuận lợi do ảnh hưởng của thời tiết rét đậm, rét hại; chăn nuôi lợn và gia cầm nhìn chung phát triển ổn định, bảo đảm nguồn cung đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi. Ước tính tháng Một, đàn trâu cả nước giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò tăng 2,8%; đàn lợn tăng 3,1%; đàn gia cầm tăng 6,3%.

Lâm Nghiệp:

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng và chuẩn bị cho Tết trồng cây xuân Kỷ Hợi. Trong tháng Một, diện tích rừng trồng tập trung của cả nước ước tính đạt 6,3 nghìn ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 720 nghìn cây, giảm 4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 871 nghìn m³, xấp xỉ cùng kỳ năm trước.

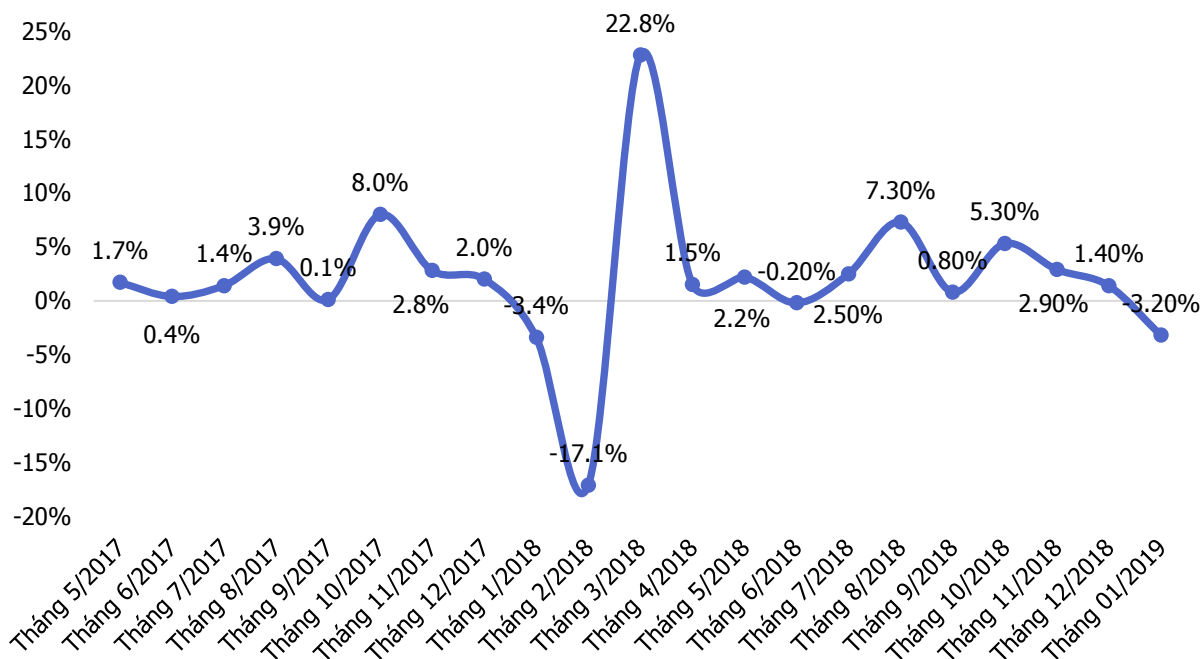
Diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng Một là 19,1 ha, giảm 31,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó diện tích rừng bị cháy là 0,3 ha, giảm 93%; diện tích rừng bị chặt, phá là 18,8 ha, giảm 20,1%.

Thủy sản:

Sản lượng thủy sản tháng Một ước tính đạt 498 nghìn tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 379,4 nghìn tấn, tăng 4,9%; tôm đạt 43,8 nghìn tấn, tăng 1,4%; thủy sản khác đạt 74,8 nghìn tấn, tăng 3%.

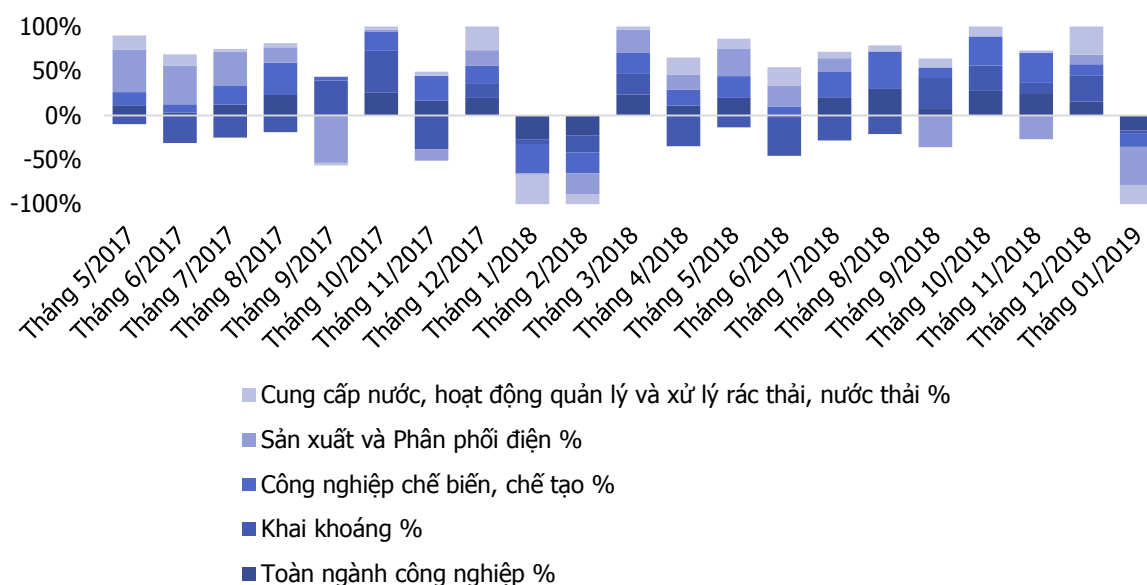
Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 232,2 nghìn tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 167,4 nghìn tấn, tăng 4,2%; tôm đạt 34,3 nghìn tấn, tăng 3,6%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng Một ước tính đạt 265,8 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 212 nghìn tấn, tăng 5,5%; tôm đạt 9,5 nghìn tấn, giảm 5,9%. Riêng sản lượng thủy sản khai thác biển tháng Một ước tính đạt 251 nghìn tấn, tăng 5,3%, trong đó cá đạt 202,2 nghìn tấn, tăng 5,8%; tôm đạt 8,4 nghìn tấn, giảm 6,7%.

5. Sản xuất công nghiệp.**Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng**

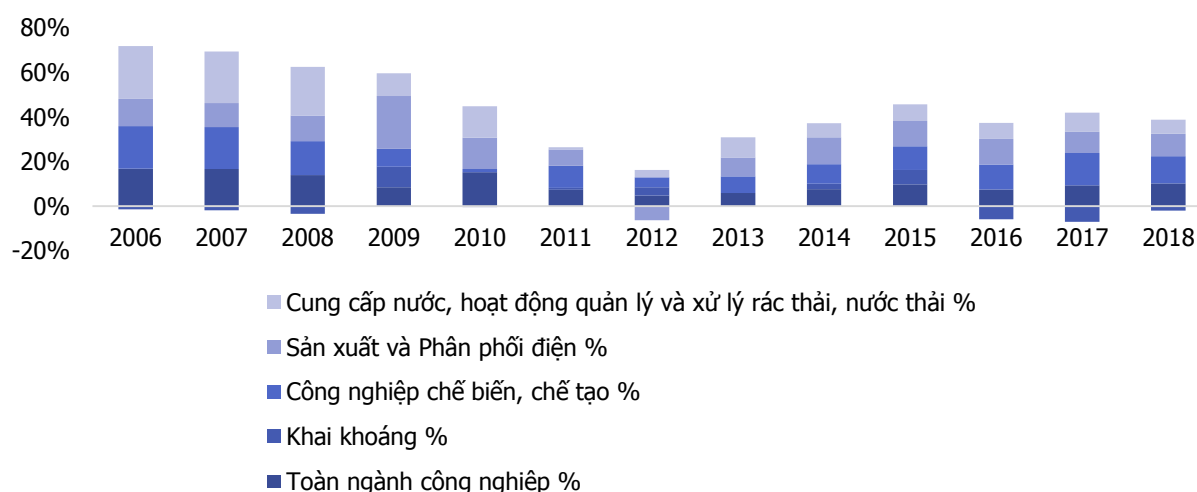
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 1/2019 ước tính giảm 3,2% so với tháng 12/2018. So với cùng kỳ năm 2018, IIP tháng 1/2019 ước tính tăng 7,9%, thấp hơn mức tăng 22,1% của cùng kỳ năm trước do Tết Nguyên đán năm nay vào đầu tháng Hai nên các doanh nghiệp tập trung sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết từ tháng 12/2018.

Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp



Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất tháng Một tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 104,1%; sản xuất kim loại tăng 32,9%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 29,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 18,4%; sản xuất đồ uống tăng 12,9%; dệt và sản xuất trang phục cùng tăng 12,8%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 12,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,3%.

Chỉ số công nghiệp theo năm

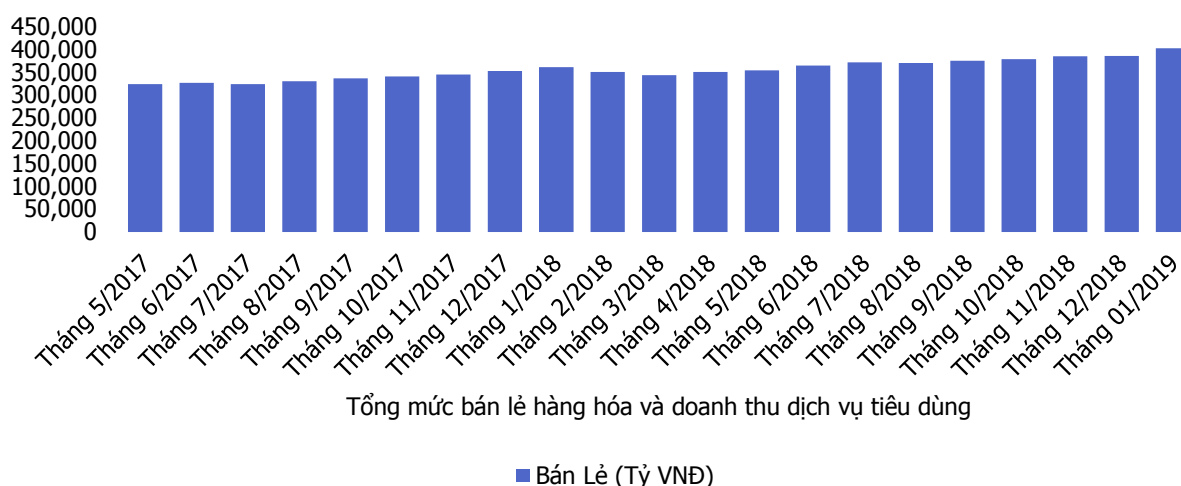


Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/1/2019 tăng 1,8% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 2,2%.

6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

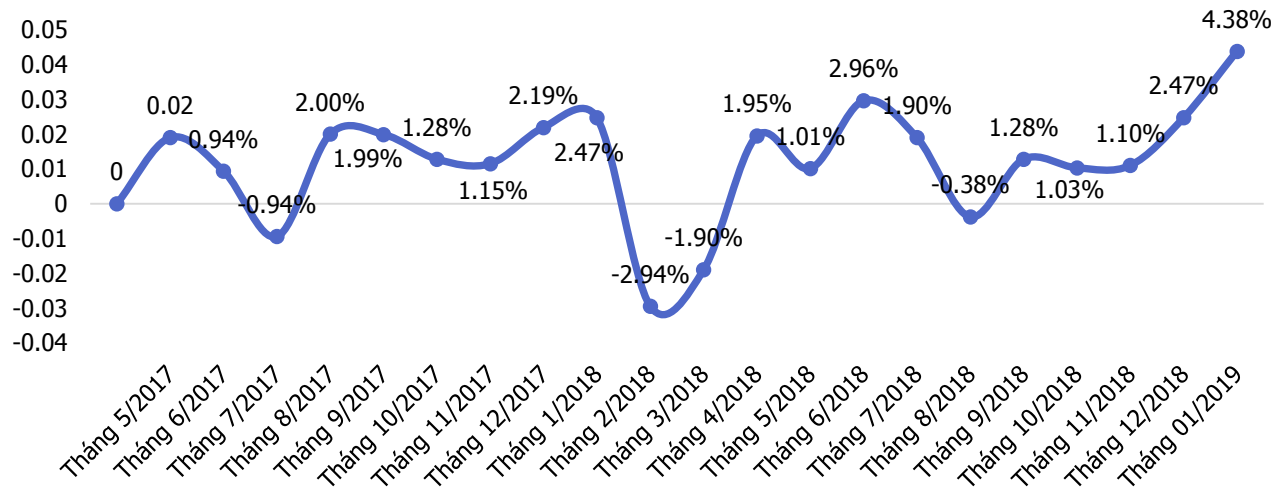
Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tháng 1/2019 diễn ra sôi động do nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao trong tháng giáp Tết Nguyên đán. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1/2019 ước tính đạt 402,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,4% (cùng kỳ năm 2018 tăng 7,7%).

Doanh số bán lẻ hàng tháng

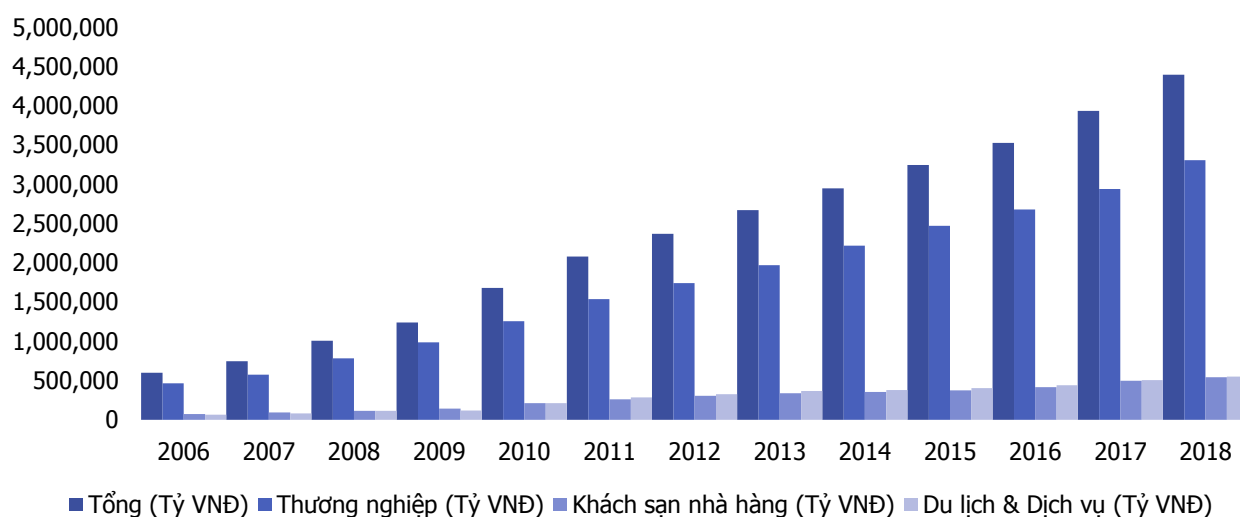


Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Một ước tính đạt 305,4 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng



Bán lẻ Theo năm



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 1/2019 ước tính đạt 49,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành trong tháng ước tính đạt 4,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7% so với tháng trước và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác tháng Một ước tính đạt 43 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

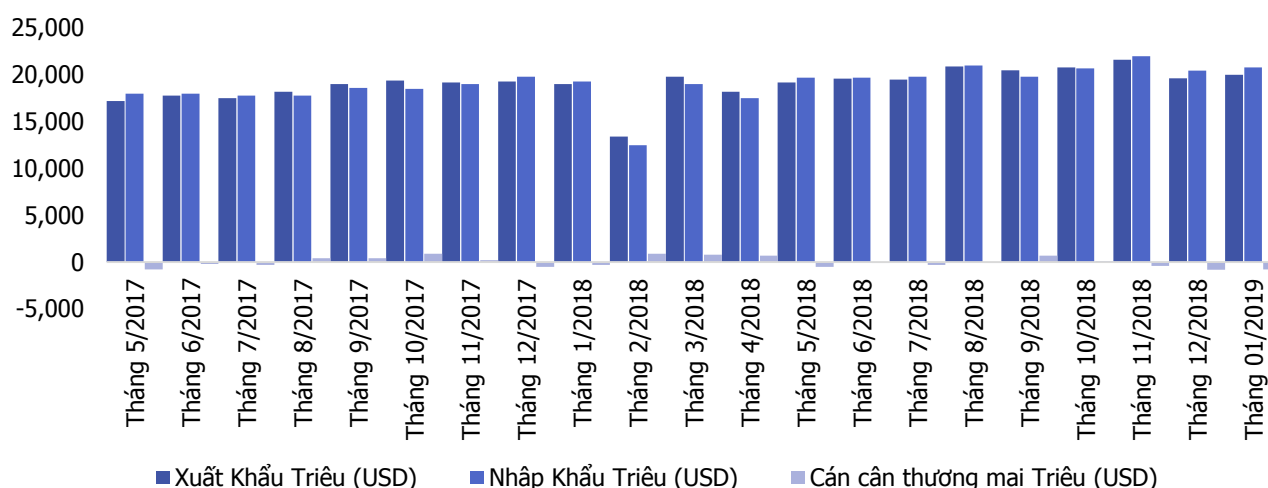
7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 12/2018 đạt 19.635 triệu USD, thấp hơn 1.365 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện năm 2018 đạt 243,5 tỷ USD, thấp hơn 1.240 triệu USD so với ước tính, tăng 13,2% so với năm 2017.

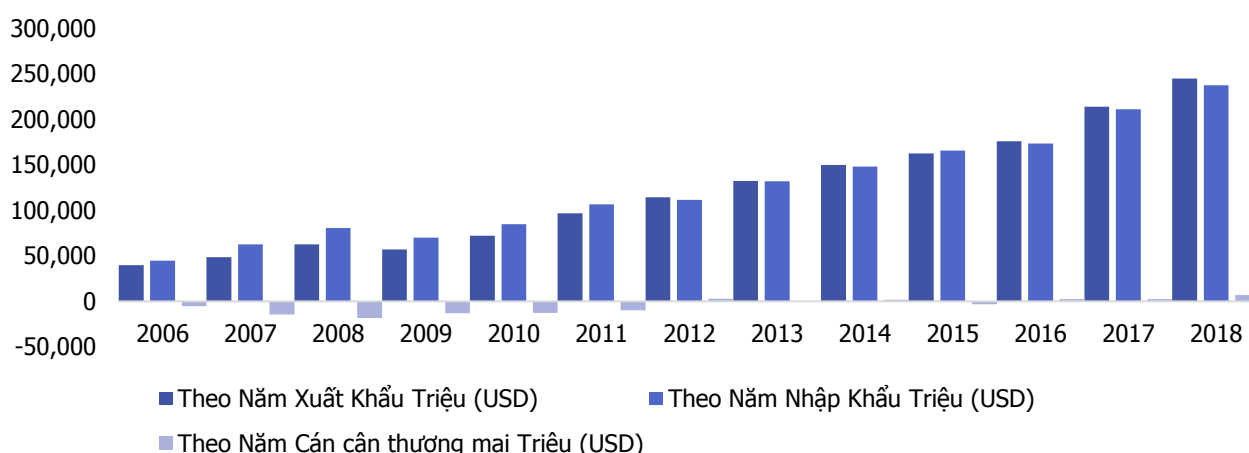
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 1/2019 ước tính đạt 20,0 tỷ USD, tăng 1,9% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,42 tỷ USD, giảm 0,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,58 tỷ USD, tăng 3,2%.

So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 1/2019 giảm 1,3%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 7,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 5,1%.

Xuất Nhập Khẩu - Cán Cân Thương Mại (Theo Tháng)



Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại



Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 12/2018 đạt 20.446 triệu USD, thấp hơn 754 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện năm 2018 đạt 236,7 tỷ USD, thấp hơn 824 triệu USD so với số ước tính, tăng 11,1% so với năm 2017.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 1/2019 ước tính đạt 20,80 tỷ USD, tăng 1,7% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 9,05 tỷ USD, tăng 3,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,75 tỷ USD, tăng 0,7%.

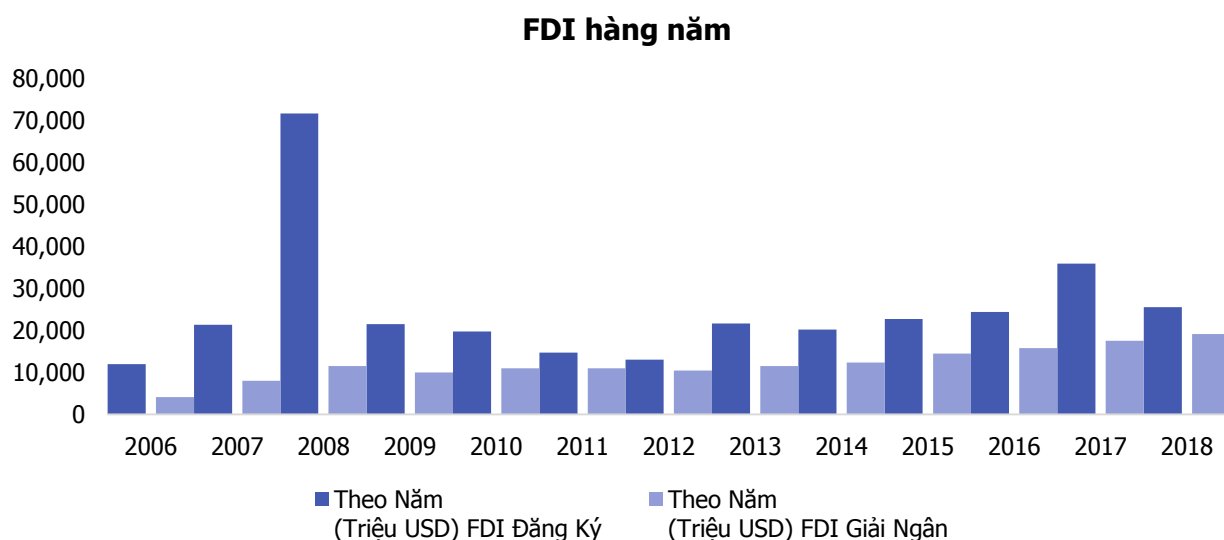
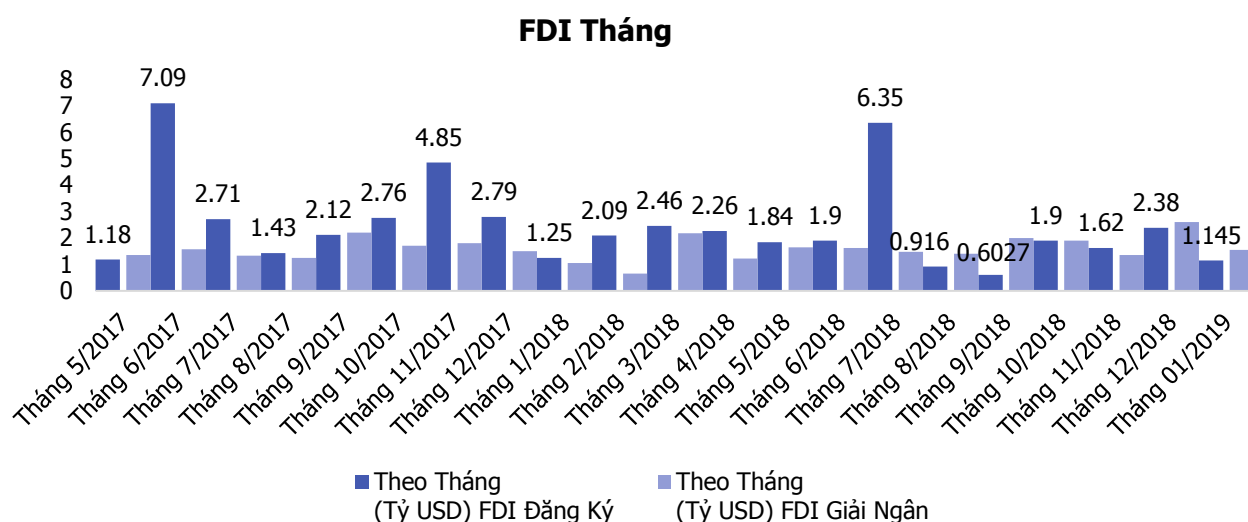
So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 1/2019 ước tính tăng 3,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 9,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 1,3%.

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2018 xuất siêu 6,8 tỷ USD, tương đương 2,8% kim ngạch xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,2 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32 tỷ USD. Tháng 1/2019 ước tính nhập siêu 800 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 2,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 1,8 tỷ USD.

8. Đầu tư.

Trong tháng 1/2019, hoạt động đầu tư tập trung chủ yếu vào thi công các công trình chuyển tiếp từ năm trước, hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành của năm 2018, các bộ, ngành và địa phương triển khai giao vốn đầu tư cho các dự án được phê duyệt kế hoạch vốn năm 2019 theo Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Một ước tính đạt 18.031 tỷ đồng, bằng 5,56% kế hoạch năm và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 bằng 4,7% và tăng 17%).

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/1/2019 thu hút 226 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 805 triệu USD, tăng 36,1% về số dự án và tăng 81,9% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, có 72 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 340,3 triệu USD, giảm 25,5% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 1.145,3 triệu USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2018.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tháng 1/2019 ước tính đạt 1.550 triệu USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ tháng 1/2018. Trong tháng còn có 489 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 761,9 triệu USD, tăng 114% so với cùng kỳ năm 2018.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng 1/2019 có 4 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 1,05 triệu USD; có 1 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 200 nghìn USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) trong tháng đạt 1,25 triệu USD.

9. Thu chi ngân sách nhà nước.

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng 1/2019 ước tính đạt 30,8 nghìn tỷ đồng, bằng 2,2% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 16 nghìn tỷ đồng, bằng 1,4%; thu từ đầu thô 1,5 nghìn tỷ đồng, bằng 3,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 13,3 nghìn tỷ đồng, bằng 7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng Một ước tính đạt 44,2 nghìn tỷ đồng, bằng 2,7% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 31,8 nghìn tỷ đồng, bằng 3,2%; chi đầu tư phát triển 2,8 nghìn tỷ đồng, bằng 0,7%; chi trả nợ lãi 9,7 nghìn tỷ đồng, bằng 7,7%.

10. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Trong tháng 1/2019, cả nước có 10.079 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 151,1 nghìn tỷ đồng, giảm 7% về số doanh nghiệp và tăng 53,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 15 tỷ đồng, tăng 64,8%.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong tháng là 10.804 doanh nghiệp, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng Một năm nay còn có 12.278 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, trong đó có 7.342 doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo chương trình chuẩn hóa dữ liệu năm 2018 để loại bỏ các doanh nghiệp đã thành lập trước đây nhưng trên thực tế không còn hoạt động.

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 1/2019 là 1.802 doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 732 doanh nghiệp (chiếm 40,6%), tăng 20,8%; công nghiệp chế biến, chế tạo có 184 doanh nghiệp (chiếm 10,2%), giảm 8,5%; xây dựng có 178 doanh nghiệp (chiếm 9,9%), tăng 8,5%.

11. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách tháng Một ước tính đạt 408,7 triệu lượt khách, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2018 và 18,1 tỷ lượt khách.km, tăng 10,3%, trong đó vận tải trong nước đạt 407,2 triệu lượt khách, tăng 10,1% và 13,8 tỷ lượt khách.km, tăng 11,2%; vận tải ngoài nước đạt 1,5 triệu lượt khách, tăng 4,5% và 4,2 tỷ lượt khách.km, tăng 7,4%.

Vận tải hàng hóa tháng Một ước tính đạt 144,4 triệu tấn, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước và 27,4 tỷ tấn.km, tăng 7%, trong đó vận tải trong nước đạt 141,6 triệu tấn, tăng 9,2% và 16,1 tỷ tấn.km, tăng 10,7%; vận tải ngoài nước đạt 2,8 triệu tấn, tăng 2,8% và 11,3 tỷ tấn.km, tăng 2,3%.

12. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 1/2019 ước tính đạt 1.501,8 nghìn lượt người, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến bằng đường hàng không đạt 1.167,2 nghìn lượt người, tăng 1,4%; bằng đường bộ đạt 310,4 nghìn lượt người, tăng 26,9%; bằng đường biển đạt 24,2 nghìn lượt người, giảm 30,5%.

So với tháng trước, khách quốc tế đến nước ta tăng 9,3%, trong đó khách đến từ châu Âu, châu Mỹ, châu Úc tăng mạnh[14] do bà con Việt Kiều về quê ăn Tết, đồng thời ở các nước châu Âu, châu Mỹ đang là kỳ nghỉ đông nên nhu cầu đi du lịch nước ngoài của người dân khá lớn.

TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 1 NĂM 2019.

Bức tranh nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong T1/2019 nhìn chung chưa có dấu hiệu rõ ràng về những tác động tiêu cực từ những diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới, hay những dấu hiệu đột phá đáng chú ý.

Điểm sáng kinh tế tháng 1 năm 2019:

- Tiêu dùng vẫn tăng cao như thường lệ mọi năm để chuẩn bị Tết Nguyên đán.
- Lãi suất cho vay, cho thuê, và lợi suất trái phiếu giảm nhiệt.
- FDI giải ngân cao hơn so với FDI đăng ký.

Bên cạnh những mặt tích cực, chúng ta cũng cần theo dõi thêm một số các diễn biến như

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP): T01/2019 thấp hơn nhiều so với T01/2018, một phần do Tết Nguyên đán năm nay vào đầu tháng 2 nên các doanh nghiệp đã tập trung sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết từ T12/2018. Song, so với trung bình của 2018 và T12/2018, thì mức tăng của T01/2019 vẫn có dấu hiệu chậm lại.
- Xuất khẩu giảm 1.3% so với cùng kỳ năm 2018; đặc biệt hầu hết xuất khẩu các mặt hàng nông sản đều giảm: rau quả, điều, tiêu, gạo, cà phê.
- Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong khoảng 2 năm qua.

Cụ thể với những điểm nhấn đáng chú ý trong tháng 1/2019:

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP): T1/2019 ước tăng 7.9%; thấp hơn mức tăng 22.1 của cùng kỳ năm 2018. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10.1%, đóng góp 8 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Trong các ngành công nghiệp cấp 2, sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tiếp tục dẫn đầu với mức IIP là 104.1%, do thời điểm này năm trước NMLD Nghi Sơn chưa đi vào hoạt động.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam: Theo số liệu khảo sát của Nikkei, lĩnh vực sản xuất Việt Nam tăng trưởng chỉ ở mức vừa phải trong tháng 1, với chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) đạt 51,9 điểm, giảm nhẹ từ mức 53,8 điểm của tháng trước và là mức thấp nhất kể từ tháng 9/2018.

Cán cân thương mại: Ghi nhận mức nhập siêu 0.8 tỷ USD trong T1/2019. Trong đó, khu vực FDI chiếm 67.9% xuất khẩu, và nhập siêu do khu vực kinh tế trong nước (FDI xuất siêu 1.8 tỷ USD, trong khi doanh nghiệp trong nước nhập siêu 2.6 tỷ USD). Điểm đáng chú ý, trong T1/2019 tăng trưởng xuất khẩu khu vực FDI giảm 5.1% so với cùng kỳ 2018 làm mức tăng trưởng xuất khẩu cả nước giảm 1.3%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): T1/2019 tăng 2.56% so với cùng kỳ. Trong đó 3 nhóm: Đồ uống và thuốc lá tăng 0.69%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0.66%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0.39%; chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán.

Chênh lệch Thu – Chi NSNN: Thâm hụt 13.4 nghìn tỷ đồng. Trong đó, tổng thu NSNN ước tính đạt 30.8 nghìn tỷ đồng (bằng 2.2% dự toán năm), và tổng chi NSNN ước tính đạt 44.2 nghìn tỷ đồng (bằng 2.7% dự toán năm).

Tổng mức bán lẻ & du lịch: Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ diễn ra sôi động do nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao trong tháng giáp Tết Nguyên đán. Các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và cơ sở kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 402.2 nghìn tỷ đồng, tăng 12.2% so với cùng kỳ năm trước.

Khách quốc tế: Khách quốc tế đến nước ta đạt 1,501.8 nghìn lượt người, tăng 5% so với cùng kỳ. Đáng chú ý là lượt khách Hàn Quốc đạt 389 nghìn lượt người (tăng 23%), vượt qua Trung Quốc trở thành quốc gia có lượng khách tới Việt Nam nhiều nhất; trong khi khách Trung Quốc đạt 373.5 nghìn lượt người (giảm 10.7% so với cùng kỳ).

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**

Trợ lý Phân tích

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng Giám Đốc & Giám Đốc Trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp

Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và

Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Trợ lý Phân tích

Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099

Webiste: www.vn-cs.com